Sở Giáo Dục và Đào Tạo TPHCM

**Trường THPT Phan Đăng Lưu**

**NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HKI KHỐI 11 MÔN SINH HỌC**

***HÌNH THỨC BÀI KT: TRẮC NGHIỆM 32 CÂU***

***NỘI DUNG LẤY TỪ PHẦN TRẮC NGHIỆM 60%-CÒN LẠI LẤY BÊN NGOÀI 40%***

**I. GIỚI HẠN BÀI: BÀI 1🡪 BÀI 9 (40%)**

**II- PHẦN TRẮC NGHIỆM (60%)**

**BÀI 1. SỰ HẤP THỤ NƯỚC VÀ MUỐI KHOÁNG Ở RỄ**

**Câu 1.** Rễ cây hấp thụ những chất nào?

A. Nước cùng các ion khoáng. B. Nước cùng các chất dinh dưỡng.

C. Nước và các chất khí. D. O2 vàcác chất dinh dưỡng hòa tan trong nước.

**Câu 2.** Bộ phận hút nước chủ yếu của cây ở trên cạn là

A. lá. B. thân. C. hoa. D. Rễ.

**Câu 3**. Sự vận chuyển nước và muối khoáng ở rễ cây theo con đường gian bào là:

A. nước và khoáng đi xuyên qua tế bào chất của các tế bào.

B. nước và ion khoáng đi theo không gian giữa các tế bào và không gian giữa các bó sợi xenlulôzơ bên trong thành tế bào từ lông hút vào đến nội bì.

C. nước và khoáng đi theo không gian giữa các tế bào.

D. nước và khoáng đi theo các các cầu nối nguyên sinh chất giữa các tế bào.

**Câu 4.** Nước xâm nhập vào tế bào lông hút theo cơ chế

A. thụ động. B. thẩm tách. C. chủ động. D. nhập bào.

**Câu 5.** Các ion khoáng được hấp thụ vào rễ theo cơ chế nào?

A. Thụ động. B. Chủ động. C. Thụ động và chủ động. D. Thẩm tách.

**Câu 6**. Nguyên nhân nào sau đây có thể dẫn đến hạn sinh lý ở thực vật?

I. Trời nắng gay gắt kéo dài.

II. Cây bị ngập úng nước trong thời gian dài.

III. Rễ cây bị tổn thương hoặc bị nhiễm khuẩn.

IV. Cây bị thiếu phân.

V. Cây bị bón thừa phân.

A.I, IV B. II, III, V C. III, IV D. II

**Câu 7**. Nguyên nhân chính dẫn đến cây trên cạn ngập úng lâu bị chết là do:

I. Tính chất lí, hoá của đất thay đổi nên rễ cây bị thối.

II. Thiếu ôxy phá hoại tiến trình hô hấp bình thường của rễ.

III. Tính luỹ các chất độc hại đối với tế bào và làm cho lông hút chết, không hình thành được lông hút mới.

IV. Rễ cây không hấp thụ được nước dẫn đến mất cân bằng nước.

A. I, II, III B. II, III, IV C. I, II, IV D. I, III, IV

**Câu 8**. Xét các trường hợp dưới đây cho thấy trường hợp nào rễ cây hấp thụ ion K+ cần phải tiêu tốn năng lượng ATP?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Nồng độ ion K+ ở rễ | Nồng độ ion K+ ở đất |
| 1 | 0,2% | 0,5% |
| 2 | 0,3% | 0,4% |
| 3 | 0,4% | 0,6% |
| 4 | 0,5% | 0,2% |

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

**BÀI 2. VẬN CHUYỂN CÁC CHẤT TRONG CÂY**

**Câu 9.** Động lực nào đẩy dòng mạch rây từ lá đến rễ và các cơ quan khác

A. Trọng lực của trái đất.

B. Áp suất của lá.

C. Sự chênh lệch áp suất thẩm thấu giữa cơ quan rễ với môi trường đất.

D. Sự chênh lệch áp suất thẩm thấu giữa cơ quan nguồn và cơ quan chứa.

**Câu 10.** Tế bào mạch gỗ của cây gồm quản bảo và

A. tế bào nội bì.     B. tế bào lông hút. C. mạch ống.     D. tế bào biểu bì.

**Câu 11**. Chất tan được vận chuyển chủ yếu trong hệ mạch rây là

A. fructôzơ.     B. glucôzơ. C. saccarôzơ.     D. ion khoáng.

 **Câu 12.** Dòng mạch gỗ được vận chuyên nhờ

(1). Lực đẩy (áp suất rễ)

(2). Sự chênh lệch áp suất thẩm thấu giữa môi trường rễ và môi trường đất

(3). Lực liên kết giữa các phân tử nước với nhau và với thành mạch gỗ

(4). Sự chênh lệch áp suất thẩm thấu giữa cơ quan nguồn (lá) và cơ quan chứa (quả, củ…)

(5). Lực hút do thoát hơi nước ở lá

A. (1)-(3)-(5) B. (1)-(2)-(4) C. (1)-(2)-(3) D. (1)-(3)-(4)

**Câu 13.** Nước được vận chuyển ở thân chủ yếu:

 A. qua mạch rây theo chiều từ trên xuống. B. từ mạch gỗ sang mạch rây.

C. từ mạch rây sang mạch gỗ. D. qua mạch gỗ.

**Câu 14.** Nguyên nhân của hiện tượng ứ giọt là do:

(I). Lượng nước thừa trong tế bào lá thoát ra

(II). Có sự bão hòa hơi nước trong không khí

(III). Hơi nước thoát từ lá rơi lại trên phiến lá

(IV). Lượng nước bị đẩy từ mạch gỗ của rễ lên lá, không thoát được thành hơi qua khí khổng đã ứ thành giọt ở mép lá

A. (I), (II). B. (I), (III). C. (II), (III). D. (II), (IV).

**BÀI 3. THOÁT HƠI NƯỚC**

**Câu 15.** Thoát hơi nước qua lá bằng con đường

A. qua khí khổng, mô giậu B. qua khí khổng, cutin

C. qua cutin, biểu bì. D. qua cutin, mô giậu

**Câu 16.** Tác nhân chủ yếu điều tiết độ mở khí khổng là

A. nhiệt độ. B. ánh sáng. C. hàm lượng nước. D. ion khoáng.

**Câu 17.** Thoát hơi nước qua lá chủ yếu bằng con đường

A. qua khí khổng. B. qua lớp cutin. C. qua lớp biểu bì. D. qua mô giậu.

**Câu 18**. Phát biểu nào sau đây sai?

I. Khi nồng độ ôxi trong đất giảm thì khả năng hút nước của cây sẽ giảm.

II. Khi sự chênh lệch giữa nồng độ dung dịch đất và dịch của tế bào rễ thấp, thì khả năng hút nước của cây sẽ yếu.

III. Khả năng hút nước của cây không phụ thuộc vào lực giữ nước của đất.

IV. Bón phân hữu cơ góp phần chống hạn cho cây.

A. II B. III, IV C. I, III D. III

**Câu 19.** Có bao nhiêu nhân tố liên quan đến điều tiết độ mở khí khổng? Nhân tố nào là chủ yếu?

(1) Hàm lượng nước trong tế bào khí khổng.

(2) Độ dày, mỏng của lớp cutin.

(3) Nhiệt độ môi trường.

(4) Gió và các ion khoáng.

(5) Độ pH của đất.

A. 3 và (1).    B. 3 và (2). C. 2 và (1).     D. 2 và (3).

**BÀI 4. VAI TRÒ CỦA CÁC NGUYÊN TỐ KHOÁNG**

**Câu 20.** Các nguyên tố đại lượng (đa lượng) gồm:

 A. C, H, O, N, P, K, S, Ca, Fe. B. C, H, O, N, P, K, S, Ca, Mg.

C. C, H, O, N, P, K, S, Ca, Mn. D. C, H, O, N, P, K, S, Ca, Cu.

**Câu 21.** Các nguyên tố vi lượng gồm:

 A. C, H, O, N, P, K, S, Ca, Fe. B. C, H, O, N, P, K, S, Ca, Mg.

C. C, H, O, N, P, K, S, Ca, Mn. D. Fe, Mn, B, Cl, Zn, Cu, Mo, Ni.

**Câu 22.** Cây thiếu các nguyên tố khoáng thường được biểu hiện ra thành những dấu hiệu màu sắc đặc trưng ở

A. thân. B. rễ. C. lá. D. hoa.

**Câu 23.** Hậu quả khi bón liều lượng phân bón cao quá mức cần thiết cho cây:

 (I). Gây độc hại đối với cây.

 (II).Gây ô nhiễm nông phẩm và môi trường.

 (III). Làm đất đai phì nhiêu nhưng cây không hấp thụ được hết.

 (IV). Dư lượng phân bón khoáng chất sẽ làm xấu lí tính của đất, giết chết các vi sinh vật có lợi.

A. (I), (II), (III), (IV). B. (I), (II), (III). C. (I), (II). D. (I), (II), (IV).

**BÀI 5 - 6 . DINH DƯỠNG NITƠ Ở THỰC VẬT**

**Câu 24.** Dạng nitơ nào cây có thể hấp thụ được?

A. NO2- và NO3-. B. NO2- và NH4+. C. NO3- và NH4+. D. NO2- và N2.

**Câu 25.** Nitơ trong xác thực vật, động vật là dạng

A. nitơ không tan cây không hấp thu được.

B. nitơ muối khoáng cây hấp thu được.

C. nitơ độc hại cho cây.

D. nitơ tự do nhờ vi sinh vật cố định cây mới sử dụng được.

 **Câu 26.** Vai trò của Nitơ đối với thực vật là:

A. thành phần của axit nuclêôtit, ATP, phôtpholipit, côenzim, prôtêin; cần cho nở hoa, đậu quả.

 B. chủ yếu giữ cân bằng nước và ion trong tế bào, hoạt hoá enzim, mở khí khổng.

 C. thành phần của thành tế bào, màng tế bào, hoạt hoá enzim.

D. thành phần của prôtêin và axít nuclêic cấu tạo nên tế bào, cơ thể.

**Câu 27.** Cho nhận định sau: Nitơ tham gia điều tiết các quá trình …(1)… và trạng thái …(2)… của tế bào. Do đó, nitơ ảnh hưởng đến mức độ hoạt động của …(3)…

(1), (2) và (3) lần lượt là:

A. trao đổi chất, ngậm nước, tế bào thực vật.

B. ngậm nước, trao đổi chất, tế bào thực vật.

C. trao đổi chất, trương nước, tế bào thực vật.

D. cân bằng nước, trao đổi chất, tế bào thực vật.

**Câu 28.** Xác động - thực vật phải trải qua quá trình biến đổi nào cây mới sử dụng được nguồn nitơ?

A. Quá trình nitrat hóa và phản nitrat hóa. B. Quá trình amôn hóa và phản nitrat hóa.

C. Quá trình amôn hóa và nitrat hóa. D. Quá trình cố định đạm.

**Câu 29**. Cách nhận biết rõ rệt nhất thời điểm cần bón phân là căn cứ vào:

A. dấu hiệu bên ngoài của quả mới ra. B. dấu hiệu bên ngoài của thân cây.

C. dấu hiệu bên ngoài của hoa. D. dấu hiệu bên ngoài của lá cây.

**Câu 30.** Hoạt động của loại vi khuẩn nào sau đây không có lợi cho cây?

A. Vi khuẩn amon hóa. B. Vi khuẩn nitrat hóa.

C. Vi khuẩn cố định đạm. D. Vi khuẩn phản nitrat hóa.

**Câu 31:** Phương trình mô tả đúng quá trình cố định nitơ tự do là

**A.** NO3-🡪 N2­ **B.** NH4+🡪 NO3- **C.** N2 + O2 🡪NO3- **D.** N2 + H2 🡪NH3

**Câu 32:** Quá trình chuyển hóa NO3- thành N2 do hoạt động của nhóm vi khuẩn

**A.** cố định nitơ. **B.** nitrat hóa. **C.** phản nitrat hóa. **D.** amôn hóa.

**Câu 33.** Một trong các biện pháp hữu hiệu nhất để hạn chế xảy ra quá trình chuyển hóa nitrat thành nitơ phân tử (NO3-→ N2) là

A. Làm đất kĩ, đất trồng tơi xốp và thoáng. B. Bón phân vi lượng thích hợp.
C. Giữ độ ẩm vừa phải và thường xuyên cho đất. D. Khử chua cho đất.
**Câu 34.** Trong một khu vườn có nhiều loài hoa, người ta quan sát thấy một cây đỗ quyên lớn phát triển tốt, lá màu xanh sẫm nhưng cây này chưa bao giờ ra hoa. Nhận định đúng về cây này là:

A. Cần bón bổ sung muối canxi cho cây.

B. Có thể cây này đã được bón thừa kali.

C. Cây cần được chiếu sáng tốt hơn.

D. Có thể cây này đã được bón thừa nitơ.

**BÀI 8. QUANG HỢP Ở THỰC VẬT**

**Câu 35**. Quá trình quang hợp ***không*** có vai trò nào sau đây?

A. Cung cấp thức ăn cho sinh vật. B. Chuyển hóa quang năng thành hóa năng.

C. Phân giải các chất hữu cơ thành năng lượng. D. Điều hòa không khí.

**Câu 36.** Có bao nhiêu nhận định đúng về vai trò của quang hợp ?

(1) Cung cấp nguồn chất hữu cơ làm thức ăn cho sinh vật dị dưỡng.

(2) Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, dược liệu cho Y học.

(3) Cung cấp năng lượng duy trì hoạt động sống của sinh giới.

(4) Điều hòa trực tiếp lượng nước trong khí quyển.

(5) Điều hòa không khí.

A. 2.         B. 3.        C. 4.         D. 5.

**Câu 37.**Trong PTTQ của quang hợp (1) và (2) là những chất nào ?

Ánh sáng mặt trời

 Diệp lục

6(1) + 12H2O (2) + 6O2 + 6H2O

A. (1) CO2, (2) C6H12O6. B. (1) C6H12O6, (2) CO2.

C. (1) O2, (2) C6H12O6. D. (1) O2, (2) CO2.

**Câu 38.** Đặc điểm của lá giúp hấp thụ nhiều tia sáng:

A. Có khí khổng. B. Có hệ gân lá.

C. Có lục lạp. D. Diện tích bề mặt lớn.

**Câu 39**. Chức năng nào sau đây **không** phải quang hợp:

A. Cung cấp thức ăn cho sinh vật. B. Chuyển hóa quang năng thành hóa năng.

C. Phân giải các chất hữu cơ thành năng lượng. D. Điều hòa không khí.

**Câu 40.** Hệ sắc tố chủ yếu tham gia vào quá trình quang hợp ở cây xanh bao gồm:

A. Diệp lục a và diệp lục b. B. Diệp lục a và carotenoit.

C. Diệp lục b và carotenoit. D. Diệp lục và carotenoit.

**Câu 41:** Sản phẩm chủ yếu được tạo ra từ quang hợp là

**A.**axit nucleic. **B.**cacbonhiđrat. **C.**protein. **D.** lipit.

**Câu 42:** “...(1).... là quá trình ...(2)..... các chất hữu cơ từ các chất vô cơ (CO2 và H2O) nhờ ....(3).... được hấp thụ bởi hệ sắc tố thực vật”. (1), (2) và (3) lần lượt là

A. quang hợp, tổng hợp, năng lượngánh sáng.

**B.** quang hợp, tổng hợp,ATP.

**C.** quang hợp, phân giải, năng lượngánh sáng.

**D.** hô hấp, phân giải, năng lượng ánhsáng.

**Câu 43:** Vì sao lá cây có màu xanh lục?

A. Vì diệp lục a hấp thụ ánh sáng màu xanhlục.

B. Vì diệp lục b hấp thụ ánh sáng màu xanhlục.

C. Vì nhóm sắc tố phụ hấp thụ ánh sáng màu xanhlục.

D. Vì hệ sắc tố không hấp thụ ánh sáng màu xanhlục.

**Câu 44:** Tham gia trực tiếp vào sự chuyển hóa năng lượng ánh sáng là sắc tố

**A.** diệplụcb. **B.**carotenoit. **C.**diệplụca. **D.** xantophyl.

**BÀI 9. QUANG HỢP Ở THỰC VẬT C3, C4, CAM**

**Câu 45.** Bản chất của Pha sáng là gì?

A. Là pha cố định CO2.

B. Là pha chuyển hóa năng lượng ánh sáng thành năng lượng hóa học.

C. Là pha chuyển hóa năng lượng hóa học thành năng lượng ánh sáng.

D. Là pha diễn ra trong điều kiện thiếu ánh sáng.

**Câu 46.** Pha sáng diễn ra ở đâu?

A. Strôma. B. Tế bào chất. C. Tilacôit. D. Nhân.

**Câu 47.** Sản phẩm của pha sáng:

A. ADP, NADPH, O2. B. ATP, NADPH, O2.

C. Cacbohiđrat, CO2. D. ATP, NADPH.

**Câu 48**. Sản phẩm nào từ chu trình Canvin chuyển hóa thành Cacbohiđrat :

A. Ribulôzơ 1,5 điP. B. APG. C. AlPG. D. C6H12O6.

**Câu 49.** Ôxi trong quang hợp có nguồn gốc từ đâu?

A. H2O (quang phân li H2O). B. Pha sáng.

C. Pha tối. D. Chu trình Canvin.

**Câu 50.** Pha tối diễn ra ở vị trí nào trong lục lạp?

A. Ở màng ngoài. B. Ở màng trong. C. Ở chất nền. D. Ở tilacôit.

**A.**Tế bàomôgiậu. **B.** Tế bào baobó mạch.

**C.** Tế bào mô khuyết. **D.** Tế bào thịt.

**--CHÚC CÁM EM LÀM BÀI THÀNH CÔNG--**